TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** TỈNH NINH BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 154/2021/QĐST- HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 02 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 214/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2021 về " *Xin ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung*" giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị Trịnh Thị P, sinh năm 2000;

HKTT: Thôn N, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ hiện nay: Đội 11, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1991;

Trú tại: Thôn N, xã N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị P và anh Nguyễn Hữu C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Chị Trịnh Thị P và anh Nguyễn Hữu C có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 12/9/2020. Khi ly hôn, chị P và anh C thống nhất thỏa thuận giao cho chị P trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nhung. Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000 đồng (Tám trăm

nghìn đồng) kể từ tháng 12/2021 đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh C được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị Trịnh Thị P và anh Nguyễn Hữu C đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Trịnh Thị P tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đồng. Tổng cộng là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000708 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB (1).*
- *VKSND TP. Ninh Bình (3).*
- *CCTHADS TP. Ninh Bình (1).*
- *UBND phường, xã.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

Thẩm phán

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích T